

KẾ HOẠCH

Thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh về việc xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 6826/UBND-NLN1 ngày 28/9/2021 của UBND tỉnh về việc duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh; Văn bản số 3114/UBND-KTTC ngày 30/10/2024 của UBND tỉnh về việc tăng cường quản lý nhà nước về ATTP lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 750/KH-SNN&PTNT ngày 25/02/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc triển khai chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Quy chế tạm thời quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Quyết định số 151/QĐ-STTTT ngày 23/8/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chế bảo đảm an toàn, an ninh mạng Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-STTTT ngày 25/10/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phê duyệt cấp độ an toàn Hệ thống thông tin Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025, như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích: Duy trì, vận hành, khai thác, sử dụng và bổ sung, cập nhật thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi tắt là Hệ thống), đảm bảo hiệu quả. Đảm bảo công khai, minh bạch các thông tin truy xuất nguồn gốc của sản phẩm; phát hiện kịp thời hàng giả, hàng không rõ nguồn gốc; góp phần bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng; nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm; bảo vệ thương hiệu, uy tín của doanh nghiệp.

2. Yêu cầu: Cập nhật thông tin 100% tài khoản vận hành đã cấp cho sở cơ sở thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; phần đầu cấp tài khoản vận hành cho 15% cơ sở ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn; đảm bảo 85% sản phẩm nông sản, thủy sản đã qua chế biến bao gói sẵn được truy xuất nguồn gốc (bao gồm 100% số sản phẩm trong chương trình OCOP). Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, hỗ trợ các cơ quan và các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật thông tin lên Hệ thống; Đảm bảo tính đồng bộ kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nếu có).

II. Phạm vi, thời gian thực hiện

1. Phạm vi thực hiện: Các cơ quan được giao quản trị và cấp tài khoản Hệ thống; cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

III. Nội dung thực hiện

1. Công tác tập huấn, tuyên truyền

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 03 lớp tập huấn (dự kiến 85 người tham gia) phổ biến, hướng dẫn áp dụng phần mềm Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn cho một số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm sản và thủy sản trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý tham gia quảng bá sản phẩm trong chương trình OCOP, sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh trên Hệ thống.

- Hướng dẫn các địa phương, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt các Quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý theo Thông tư số 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2. Duy trì, vận hành, bổ sung, cập nhật thông tin vào Hệ thống

- Thuê quản trị Hệ thống (Server) ảo; thuê quản trị Hệ thống bảo đảm hoạt động ổn định. Duy trì dữ liệu các tài khoản trên hệ thống gồm: Tài khoản quản lý của cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh, tài khoản vận hành của cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Tạo lập thông tin dữ liệu sản phẩm do cơ sở đăng ký lần đầu; thực hiện việc cấp mới, cấp lại, tạm ngừng, thu hồi, kích hoạt tài khoản đăng nhập; báo cáo sự cố khi truy cập hệ thống và các nội dung liên quan theo quy định Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT;

- Quản lý cấp tem, phê duyệt yêu cầu cấp tem từ cơ sở;

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản,...) trên Hệ thống;

- Quản lý, duyệt đăng các thông tin dữ liệu do cơ sở cập nhật và thêm mới; Thu hồi hoặc ngừng kích hoạt sản phẩm đối với các sản phẩm vi phạm quy định pháp luật, có nguy cơ mất an toàn thực phẩm hoặc các sản phẩm ngừng sản xuất. Quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc, thu hồi, cảnh báo, cập nhật trạng thái các lô tem, mã truy xuất nguồn gốc không đảm bảo an toàn lưu thông trên thị trường.

- Cập nhật thông tin, duy trì dữ liệu 100% tài khoản vẫn hành đã cấp cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP và cấp mới đạt 15% cơ sở thuộc diện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP); cấp mã Qr-code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của tỉnh theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị;

- Dự kiến trong năm 2025, hỗ trợ, hướng dẫn 02 cơ sở tham gia Hệ thống thực hiện truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm trà hoa vàng.

3. In tem truy xuất nguồn gốc

Các sở, ngành, các địa phương và các đơn vị đã được bàn giao tài khoản hướng dẫn, cấp mã QR code và hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm sản phẩm nông lâm thủy sản thuộc phạm vi quản lý in ấn tem truy xuất nguồn gốc cho các cơ sở tham gia Hệ thống.

Các cơ sở tham gia Hệ thống chủ động in ấn, sử dụng tem mã hóa định dạng QR-code chứa đựng các thông tin để dán trên sản phẩm, gồm: Thông tin chung về cơ sở (như tên, địa chỉ, số điện thoại, người đại diện,...); Thông tin về sản phẩm (như: Tên sản phẩm, mã sản phẩm, xuất xứ, công suất, quy cách đóng gói, nhật ký sản xuất, lô sản xuất, giá bán (nếu có); xuất xứ nguồn gốc; ngày sản xuất, hạn sử dụng; số lượng, khối lượng, số lô sản phẩm,...); Thông tin pháp lý (giấy chứng nhận an toàn thực phẩm/ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn; VietGAP, GMP, HACCP, ISO 22000,... và các thông tin (nhà sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói và phân phối sản phẩm) phục vụ quá trình truy xuất nguồn gốc theo quy định.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT: Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, dự toán ngân sách tỉnh năm 2025;

2. Các sở, ngành; UBND các huyện/thị xã/thành phố: Bố trí kinh phí thực hiện các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

1.1. Chỉ cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

- Trực tiếp tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và các quy định hiện hành. Thủ trưởng đơn vị giao thực hiện được điều chỉnh Kế hoạch (nếu cần thiết) nhằm phù hợp với tình hình thực tế, nâng cao hiệu quả duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh. Việc điều chỉnh kế hoạch phải đảm bảo quy định

và không vượt quá dự toán được giao (trường hợp vượt quá phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt).

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển đơn đốc, kiểm tra các đơn vị liên quan quản trị Hệ thống và cơ sở sản xuất kinh doanh trong quá trình triển khai thực hiện.

1.2. Các Chi cục: Chăn nuôi và Thú y, Trồng trọt và BVTV, Thủy sản

- Phổ biến, hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông sản thuộc phạm vi quản lý tham gia quảng bá sản phẩm trên hệ thống, đặc biệt các sản phẩm trong chương trình OCOP, sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

- Rà soát, cập nhật danh sách các cơ sở thuộc phạm vi quản lý bao gồm: tên cơ sở; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; ngày cấp; địa chỉ; người đại diện cơ sở; điện thoại; Giấy chứng nhận ATTP/Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn...;

- Hướng dẫn các cơ sở chưa tham gia Hệ thống hoàn thiện Bản đăng ký cấp/cấp lại tài khoản đăng nhập Hệ thống (theo Mẫu 03- Mẫu giấy đăng ký tham gia Hệ thống) đảm bảo cấp tài khoản vận hành cho 100% cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 15% cơ sở ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn thuộc phạm vi quản lý; cấp mã QR code cho sản phẩm tham gia Hệ thống;

2. Các Sở: Y tế, Công Thương, Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Tỉnh

- Cập nhật toàn bộ cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý lên Hệ thống.

- Hoàn thành việc cấp tài khoản cho 100% sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP sử dụng Hệ thống (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP).

- Cấp mã QR code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của địa phương, của tỉnh thuộc các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh), in ấn tem truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tuyên truyền, phổ biến đến các cơ sở thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Đề nghị UBND các địa phương chỉ đạo phòng Kinh tế/Nông nghiệp và PTNT phối hợp, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ xác định trong kế hoạch, tập trung như sau:

- Chỉ đạo, đơn đốc công chức được giao thực hiện duy trì, vận hành, quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý nhà nước về chất lượng, ATTP lên Hệ thống.

- Rà soát, thống kê đầy đủ cơ sở thuộc diện quản lý; thực hiện việc cấp mới, cấp lại, tạm ngừng, thu hồi, kích hoạt tài khoản đăng nhập; báo cáo sự cố khi truy cập hệ thống và các nội dung liên quan theo quy định Quyết định số 156/QĐ-SNN&PTNT-QLCL ngày 09/3/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT; tạo lập thông tin dữ liệu sản phẩm do cơ sở đăng ký lần đầu;

- Hỗ trợ, hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh cập nhật, bổ sung thông tin về chất lượng, ATTP, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm từng công đoạn (sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản) trên Hệ thống; in ấn tem truy xuất nguồn gốc trên Hệ thống.

- Quản lý, duyệt đăng các thông tin dữ liệu do cơ sở cập nhật và thêm mới; Thu hồi hoặc ngừng kích hoạt sản phẩm đối với các sản phẩm vi phạm quy định pháp luật, có nguy cơ mất an toàn thực phẩm hoặc các sản phẩm ngừng sản xuất. Quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc, thu hồi, cảnh báo, cập nhật trạng thái các lô tem, mã truy xuất nguồn gốc không đảm bảo an toàn lưu thông trên thị trường.

- Cập nhật thông tin, duy trì dữ liệu 100% tài khoản vận hành đã cấp cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đảm bảo ATTP và cấp mới đạt 15% cơ sở thuộc diện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn (trong đó có 100% cơ sở tham gia Chương trình OCOP); cấp mã Qr-code cho 100% sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực của tỉnh theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh thuộc phạm vi quản lý của các đơn vị;

4. Thời hạn báo cáo

- Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài khoản Hệ thống định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) để báo cáo UBND tỉnh; trong đó nêu rõ những việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành, nguyên nhân và đề xuất giải pháp thực hiện.

- Thời gian báo cáo: Báo cáo quý trước ngày 15 của tháng cuối quý và báo cáo tổng kết năm trước ngày 10/12.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện duy trì hoạt động của Hệ thống cơ sở dữ liệu truy xuất nguồn gốc thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2025, Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả./. *Khanh*

Nơi nhận:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để ph/hợp);
- Các Sở: Y tế, Công thương (để ph/hợp);
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh (để ph/hợp);
- LĐ Sở: GD, các PGĐ sở;
- Các Chi cục: QLCLNLS&TS, CN&TY, TT&BVTV, TS (th/hiện);
- Phòng NN&PTNT/Kinh tế các địa phương (th/hiện);
- Lưu: VT; QLCL.



Ngô Tất Thắng



Phụ lục I

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN CẤP TÀI KHOẢN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU TRUY XUẤT NGUỒN GỐC THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2024

(Kèm theo Kế hoạch số: 979 /KH-SNN&PTNT-QLCL ngày 26 /02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

TT	Đơn vị/địa phương	Tổng số cơ sở thuộc phạm vi quản lý	Cơ sở thuộc diện cấp giấy ATTP	Cơ sở ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn	Cơ sở trong chương trình OCOP tỉnh tham gia hệ thống	Số cơ sở đã đăng ký và cấp tài khoản đăng nhập Hệ thống	
						Tổng số (cơ sở)	Tỷ lệ (%)
I.	Cấp tỉnh	1912	1439	473	25	410	
1	Sở Nông nghiệp và PTNT	873	400	473	17	402	46.05
1.1	Chi cục QLCLNLS&TS	108	108	-	14	110	102
1.2	Chi cục Trồng trọt và BVTV	7	7	-	2	7	100
1.3	Chi cục Chăn nuôi và Thú y	29	29	-	1	29	100
1.4	Chi cục Thủy sản	729	256	473	0	256	35.1
2	Sở Công Thương	148	148	0	4	4	2.7
3	Sở Y tế	891	891	0	4	4	0.4
II.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	23852	600	25277	43	686	
1	Cẩm Phả	1350	45	1305	1	46	3.4
2	Uông Bí	786	41	745	3	41	5.2
3	Ba Chẽ	184	7	177	3	35	19.0
4	Tiên Yên	1303	43	1260	8	55	4.2
5	Hải Hà	2143	62	2081	3	61	2.8
6	Quảng Yên	1016	32	984	4	31	3.1
7	Cô Tô	268	12	256	4	15	5.6
8	Đông Triều	7884	90	7794	1	142	1.8
9	Vân Đồn	225	50	2200	6	46	20.4
10	Bình Liêu	727	6	721	1	1	0.1

ĐU KIẾN SỐ CƠ SỞ ĐƯỢC CẤP TÀI KHOẢN ĐĂNG NHẬP HỆ THỐNG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 879 /KH-SNN&PTNT-QLCL ngày 26 /02/2025 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

[illegible]